



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 4 tháng 8 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Quang
Ông Seokhee Won
Ông Lu Ming

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)

Ông David Tan Wei Ming

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Phạm Hồng Sơn
Ông Phạm Đình Toại
Ông Lê Trung Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 15 tháng 2 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Ông Nguyễn Anh Nguyên
Bà Đinh Kim Nhung

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan **Báo cáo của Ban Giám đốc**


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành Ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-723




Chang Hung Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.349.274.001.384	3.490.098.962.467
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127
Tiền	111		20.951.755.028	21.127.905.127
Các khoản tương đương tiền	112		4.675.600.000.000	1.427.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.279.948.841.175	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.279.948.841.175	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.283.852.563.033	1.959.248.299.418
Phải thu của khách hàng	131	6	333.636.196.490	235.284.660.618
Trả trước cho người bán	132		6.589.975.715	13.677.115.034
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.663.716.876.592	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	2.279.909.514.236	1.710.262.866.408
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	23.657.358
Hàng tồn kho	140	9	79.445.760.231	74.417.177.160
Hàng tồn kho	141		79.725.053.827	74.417.177.160
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(279.293.596)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.081.917	8.005.580.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.475.081.917	8.005.580.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.087.719.815.800	11.204.779.099.500
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.667.561.158	7.122.192.702.433
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	6.729.614.068.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	20.667.561.158	392.578.634.433
Tài sản cố định	220		277.006.087.390	247.958.046.201
Tài sản cố định hữu hình	221	10	59.257.935.176	21.663.329.256
<i>Nguyên giá</i>	222		98.550.132.221	55.023.312.767
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.292.197.045)	(33.359.983.511)
Tài sản cố định vô hình	227	11	217.748.152.214	226.294.716.945
<i>Nguyên giá</i>	228		275.063.053.160	252.094.429.044
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(57.314.900.946)	(25.799.712.099)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.413.036.077	58.811.350.148
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.413.036.077	58.811.350.148
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.665.771.509.348	3.689.300.009.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	4.665.771.509.348	3.689.300.009.348
Tài sản dài hạn khác	260		119.861.621.827	86.516.991.370
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	12.445.534.013	2.754.250.001
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	107.416.087.814	83.762.741.369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.436.993.817.184	14.694.878.061.967

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.246.769.360.739	3.236.974.822.672
Nợ ngắn hạn	310		4.246.769.360.739	3.236.974.822.672
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.671.575.048.391	1.668.709.011.239
Người mua trả tiền trước	312		9.751.691.244	18.176.167.311
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	107.811.056.859	120.793.427.371
Phải trả người lao động	314		-	8.615.000
Chi phí phải trả	315	17	581.410.189.142	463.366.354.814
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.908.965.636	12.480.468.364
Vay ngắn hạn	320	19	1.859.312.409.467	953.440.778.573
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.190.224.456.445	11.457.903.239.295
Vốn chủ sở hữu	410	20	11.190.224.456.445	11.457.903.239.295
Vốn cổ phần	411	21	5.381.601.170.000	5.351.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Cổ phiếu quỹ	415	21	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.360.819.522.708	2.658.498.305.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.436.993.817.184	14.694.878.061.967

[Signature]
Người lập:

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

[Signature]
Người duyệt:

[Signature]
Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng

[Signature]
Nguyễn Hoàng Tùng
Quyền Giám đốc Tài chính

[Signature]
Seokhee Won
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	10.032.147.674.239	10.174.195.100.613
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	48.158.301.706	71.832.319.926
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	9.983.989.372.533	10.102.362.780.687
Giá vốn hàng bán	11	25	7.903.907.443.330	7.947.121.126.438
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.080.081.929.203	2.155.241.654.249
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.892.135.160.332	3.521.239.018.209
Chi phí tài chính	22	27	62.410.130.203	297.519.766.440
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		61.931.658.334	274.251.034.939
Chi phí bán hàng	25	28	1.915.086.900.586	1.900.021.436.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	371.593.863.165	321.988.979.295
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.623.126.195.581	3.156.950.490.531
Thu nhập khác	31		494.671.696	1.176.582.166
Chi phí khác	32		1.756.466.149	38.017.495
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.261.794.453)	1.138.564.671
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.621.864.401.128	3.158.089.055.202
Chi phí thuế TNDN – hiện hành	51	31	47.099.875.223	207.173.460.636
Lợi ích thuế TNDN – hoãn lại	52	31	(23.653.346.445)	(48.432.138.169)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.598.417.872.350	2.999.347.732.735

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


 Người lập:
 Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán Trưởng


 Người duyệt:
 Nguyễn Hoàng Tùng
 Quyền Giám đốc Tài chính


 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.621.864.401.128	3.158.089.055.202
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.464.450.213	21.052.381.892
Các khoản dự phòng	03	9.503.958.579	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	26.357.930	91.954.845
Lãi/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	1.726.020.769	(50.000.000)
Thu nhập lãi, lợi nhuận được phân phối và thu nhập khác từ các hoạt động đầu tư	05	(2.891.333.787.157)	(3.520.829.569.983)
Chi phí lãi vay	06	61.931.658.334	274.251.034.939
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(150.816.940.204)	(67.395.143.105)
Biến động các khoản phải thu	09	(89.575.534.425)	18.323.295.000
Biến động hàng tồn kho	10	(14.532.541.650)	(9.523.636.444)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	120.547.947.949	(52.033.933.326)
Biến động chi phí trả trước	12	772.568.899	(3.512.557.038)
		(133.604.499.431)	(114.141.974.913)
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.342.661.027)	(401.850.265.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.057.681.306)	(490.036.235.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(261.004.841.764)	(1.006.028.476.408)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(31.962.539.433)	(164.853.279.499)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	2.994.089.006	16.404.545.454
Tiền chi cho vay	23	(3.559.078.712.592)	(8.285.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	6.735.714.068.000	11.225.158.802.265
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(27.675.348.841.175)	(22.536.056.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	26.395.400.000.000	25.017.256.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25	(976.471.500.000)	(1.979.496.220.000)
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong một công ty con	26	-	1.209.140.526.840
Tiền thu lãi và lợi nhuận được phân phối	27	2.687.221.202.240	3.514.543.260.861
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	3.578.467.766.046	8.017.097.635.921
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000.000	38.337.950.000
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	5.453.343.599.258	6.322.196.322.786
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng và một công ty con	34	(4.547.471.968.364)	(10.490.579.224.018)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.005.186.769.200)	(3.080.229.986.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(69.315.138.306)	(7.210.274.937.232)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.248.147.785.976	(199.205.777.719)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.448.427.905.127	1.647.716.541.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(23.936.075)	(82.858.828)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*



CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2016	2015
	VND	VND
▪ Cán trừ cổ tức phải trả với các khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan	1.889.261.836.000	-

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


Người lập:

Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng


Người duyệt:

Nguyễn Hoàng Tùng
Quyền Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.192 nhân viên (1/1/2016: 1.134 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ những số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình tại ngày cuối năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 6 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi tại các ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay, cổ tức và lợi nhuận được phân phối từ công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được phân phối từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được phân phối được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	70.049.263	215.099.554
Tiền gửi ngân hàng	20.881.705.765	20.912.805.573
Các khoản tương đương tiền	4.675.600.000.000	1.427.300.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.279.948.841.175	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư vào các công ty con**

	31/12/2016		1/1/2016	
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (*)	100%	1.856.000.009.348	100%	1.833.100.009.348
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage (**)	100%	2.745.000.000.000	100%	1.856.200.000.000
▪ Masan Consumer (Thailand) Limited (***)	99,99%	64.771.500.000	-	-
		4.665.771.509.348		3.689.300.009.348

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên các báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015.

- (*) Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan có 8 công ty con, bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan (“MSI”), Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (“VTF”), Công ty Cổ phần Ma San PQ (“MPQ”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD (“MHD”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB (“MMB”), Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG (“MHG”), Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”), Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc (“NPQ”). Các công ty con này, ngoại trừ MHG, SNF và NPQ, là các công ty sản xuất và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua Công ty. MHG và NPQ lần lượt được thành lập trong năm 2015 và 2016 và tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các công ty này vẫn chưa đi vào hoạt động. SNF là công ty sản xuất và phân phối hầu hết các sản phẩm trực tiếp ra thị trường. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (**) Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage có 5 công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”), Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào (“VHC”), Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha và Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“QNW”). VCF, VHC và QNW là các công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm trực tiếp ra thị trường. CDN là công ty sản xuất đồ uống và phân phối sản phẩm ra thị trường thông qua VCF. Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày về các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con này.
- (***) Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”) được thành lập vào năm 2016.

MTH hoạt động ở Thái Lan. Các công ty con khác hoạt động ở Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty TNHH Một Thành viên Masan DN (“MDN”) được thành lập vào ngày 12 tháng 9 năm 2014 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 7/2016/NQ-HĐQT-MS ngày 28 tháng 3 năm 2016 đã thông qua và chấp thuận giải thể MDN. Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình giải thể MDN vẫn đang được tiến hành.

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	40.873.126.994	23.576.153.951
▪ Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	111.638.116.313	62.664.306.725
▪ Công ty Cổ phần Ma San PQ	1.510.898.062	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	666.575.479	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	2.082.020	-
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	5.644.586	218.586.661
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	31.752.716.796	16.639.970.914
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	3.833.035.010	6.957.627.234

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 – 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản cho vay phải thu từ công ty con	1.663.716.876.592	-

Khoản cho vay phải thu không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm 6% trong năm. Các khoản vay này đến hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản lãi sẽ được thu vào ngày đến hạn của khoản vay.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan:		
▪ Lợi nhuận được phân phối phải thu (*)	2.143.460.848.545	1.697.197.677.366
▪ Lãi dự thu (**)	114.905.802.559	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	19.461.623.060	3.022.707.778
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	468.100.000	7.904.389.272
Phải thu khác	1.613.140.072	2.138.091.992
	2.279.909.514.236	1.710.262.866.408

(*) Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(**) Khoản phải thu này liên quan đến thu nhập lãi phải thu từ khoản vay cấp cho các bên liên quan. Xem thêm Thuyết minh 7 và 32 để biết thêm thông tin.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi dự thu	-	373.495.304.103
Các khoản ký quỹ dài hạn	20.667.561.158	19.083.330.330
	20.667.561.158	392.578.634.433

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.237.879.500	-	5.608.827.868	-
Nguyên vật liệu	9.974.429.552	-	18.443.145.481	-
Công cụ và dụng cụ	55.000.000	-	55.000.000	-
Thành phẩm	24.604.198	-	-	-
Hàng hóa	66.433.140.577	(279.293.596)	50.310.203.811	-
	<u>79.725.053.827</u>	<u>(279.293.596)</u>	<u>74.417.177.160</u>	<u>-</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	36.906.114
Tăng dự phòng trong năm	9.503.958.579	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(9.224.664.983)	(36.906.114)
Số dư cuối năm	<u>279.293.596</u>	<u>-</u>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 279 triệu VND (1/1/2016: Không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.874.006.264	10.622.457.648	22.524.526.753	3.630.219.980	16.372.102.122	55.023.312.767
Tăng trong năm	-	-	66.200.000	48.750.000	-	114.950.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	52.258.545.361	-	-	-	52.258.545.361
Thanh lý	(362.325.521)	(7.192.578.331)	(1.215.950.855)	-	(75.821.200)	(8.846.675.907)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	55.688.424.678	21.374.775.898	3.678.969.980	16.296.280.922	98.550.132.221
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.579.470.516	9.215.700.908	8.255.543.741	2.105.676.722	12.203.591.624	33.359.983.511
Khấu hao trong năm	28.479.623	10.268.545.627	2.060.559.380	501.583.141	1.090.093.595	13.949.261.366
Thanh lý	(96.269.396)	(7.102.686.302)	(763.332.386)	-	(54.759.748)	(8.017.047.832)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	12.381.560.233	9.552.770.735	2.607.259.863	13.238.925.471	39.292.197.045
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	294.535.748	1.406.756.740	14.268.983.012	1.524.543.258	4.168.510.498	21.663.329.256
Số dư cuối năm	-	43.306.864.445	11.822.005.163	1.071.710.117	3.057.355.451	59.257.935.176

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 18.599 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 25.341 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Thương hiệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	251.458.065.408	636.363.636	252.094.429.044
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.968.624.116	-	22.968.624.116
Số dư cuối năm	274.426.689.524	636.363.636	275.063.053.160
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	25.176.984.822	622.727.277	25.799.712.099
Khấu hao trong năm	31.501.552.488	13.636.359	31.515.188.847
Số dư cuối năm	56.678.537.310	636.363.636	57.314.900.946
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	226.281.080.586	13.636.359	226.294.716.945
Số dư cuối năm	217.748.152.214	-	217.748.152.214

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 10.447 triệu VND, đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 9.811 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	58.811.350.148	192.320.297.276
Tăng trong năm	36.652.691.172	140.175.488.290
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(52.258.545.361)	(15.111.121.674)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(22.968.624.116)	(241.075.525.660)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.933.354.066)	(1.143.242.630)
Thanh lý	(3.890.481.700)	(16.354.545.454)
Số dư cuối năm	4.413.036.077	58.811.350.148

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nâng cấp tài sản thuê	-	55.268.590.055
Máy móc và thiết bị	4.413.036.077	-
Phần mềm máy vi tính	-	3.542.760.093
	<hr/> 4.413.036.077	<hr/> 58.811.350.148 <hr/>

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (2015: 12.669 triệu VND).

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.754.250.001	3.381.423.440
Tăng trong năm	3.072.693.342	609.965.753
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.933.354.066	1.143.242.630
Phân bổ trong năm	(5.314.763.396)	(2.380.381.822)
	<hr/> 12.445.534.013	<hr/> 2.754.250.001 <hr/>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	78.654.098.879	63.434.596.467
Chi phí kho vận phải trả	14.294.842.087	4.725.942.225
Chiết khấu thương mại phải trả	2.985.486.550	4.062.726.037
Chi phí phải trả khác	11.481.660.298	11.539.476.640
	<hr/> 107.416.087.814	<hr/> 83.762.741.369 <hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán – ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.671.575.048.391	1.671.575.048.391	1.668.709.011.239	1.668.709.011.239

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các bên liên quan		
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	293.403.208.653	344.787.532.659
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	268.490.649.315	508.010.104.440
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	32.291.494.140	328.825.060.298
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	978.486.498.095	273.111.051.583
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	4.014.833.237	3.675.717.232

Các khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Khấu trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	52.195.476.424	1.011.735.429.350	(56.772.433.961)	(949.993.769.902)	57.164.701.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.263.374.541	47.099.875.223	(66.057.681.306)	-	48.305.568.458
Thuế thu nhập cá nhân	1.334.576.406	43.130.053.563	(40.816.605.663)	(1.307.237.816)	2.340.786.490
	120.793.427.371	1.101.965.358.136	(163.646.720.930)	(951.301.007.718)	107.811.056.859

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	393.270.494.395	317.172.981.836
Chi phí kho vận	71.474.210.434	23.629.710.924
Chi phí trung bày	18.186.085.801	19.157.714.814
Thưởng và lương tháng 13	40.714.735.246	36.145.814.889
Chiết khấu bán hàng	14.927.432.751	20.313.629.886
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.150.495.547	18.248.507.362
Chi phí lãi vay	1.433.606.998	844.609.691
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	95.718.000	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	2.085.688.819	7.562.223.180
Chi phí khác	28.071.721.151	20.291.162.232
	581.410.189.142	463.366.354.814

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	9.226.945.025	6.734.857.200
Ký quỹ ngắn hạn	-	900.000.000
Các khoản phải trả khác	7.682.020.611	4.845.611.164
	16.908.965.636	12.480.468.364

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	953.440.778.573	953.440.778.573	5.453.343.599.258	(4.547.471.968.364)	1.859.312.409.467	1.859.312.409.467

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay ngắn hạn không có đảm bảo	VND	4,2% - 4,7%	1.859.312.409.467	953.440.778.573

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.313.263.220.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.740.561.071.857	11.501.628.055.594
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	38.337.950.000	-	-	-	38.337.950.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.999.347.732.735	2.999.347.732.735
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.452.567.034)	(1.452.567.034)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(3.079.957.932.000)	(3.079.957.932.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.658.498.305.558	11.457.903.239.295
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 21)	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.598.417.872.350	2.598.417.872.350
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(2.896.096.655.200)	(2.896.096.655.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.360.819.522.708	11.190.224.456.445

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170.000	535.160.117	5.351.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	5.088.056.394.992	-	5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần hiện đang lưu hành trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	517.160.117	5.171.601.170.000	513.326.322	5.133.263.220.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm (*)	3.000.000	30.000.000.000	3.833.795	38.337.950.000
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000

(*) Trong tháng 6 năm 2016, Công ty đã phát hành 3 triệu cổ phiếu bằng mệnh giá cho nhân viên theo kế hoạch phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên vào tháng 4 năm 2016.

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường Niên của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2016 đã quyết định chia và tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 2.896.097 triệu VND (2015: 3.079.958 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	96.092.770.180	61.898.765.097
Trong vòng 2 đến 5 năm	90.128.537.429	139.592.752.290
	186.221.307.609	201.491.517.387

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	442.583	10.055.480.535	602.475	13.495.446.272

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	7.158.567.828
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	61.520.900.233
		68.679.468.061

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	10.031.841.281.835	10.158.556.676.665
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	306.392.404	15.638.423.948
	<hr/> 10.032.147.674.239	<hr/> 10.174.195.100.613
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	22.348.923.650	19.842.224.237
▪ Hàng bán bị trả lại	25.809.378.056	51.990.095.689
	<hr/> 48.158.301.706	<hr/> 71.832.319.926
Doanh thu thuần	<hr/> 9.983.989.372.533	<hr/> 10.102.362.780.687

25. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	7.894.403.484.751	7.932.095.151.720
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	-	15.025.974.718
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.503.958.579	-
	<hr/> 7.903.907.443.330	<hr/> 7.947.121.126.438

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	216.224.504.098	135.682.584.176
Thu nhập lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	114.905.802.559	535.804.906.004
Thu nhập lãi từ hoạt động đầu tư cho vay khác	55.311.896.449	374.481.605.473
Lợi nhuận phân phối từ một công ty con	2.504.891.584.051	2.474.860.474.330
Lãi chênh lệch tỷ giá	790.433.623	409.448.226
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.939.552	-
	<hr/> 2.892.135.160.332	<hr/> 3.521.239.018.209

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	61.931.658.334	85.679.638.405
Chi phí lãi vay từ các bên liên quan	-	188.571.396.534
Lỗ chênh lệch tỷ giá	447.926.819	23.268.731.501
Chi phí tài chính khác	30.545.050	-
	<hr/>	<hr/>
	62.410.130.203	297.519.766.440
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.330.092.726.996	1.235.720.255.737
Chi phí kho vận	371.328.331.254	421.648.931.758
Chi phí nhân viên	137.611.488.460	173.683.955.433
Chi phí trung bày	25.105.153.087	32.517.546.980
Chi phí nghiên cứu thị trường	15.941.574.048	26.136.089.242
Chi phí bán hàng khác	35.007.626.741	10.314.657.042
	<hr/>	<hr/>
	1.915.086.900.586	1.900.021.436.192
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	158.468.646.397	156.277.572.939
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	96.883.509.045	57.656.825.966
Tiền thuê văn phòng	49.438.971.016	39.086.234.699
Chi phí nghiên cứu và phát triển	14.477.799.758	11.783.414.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.821.813.062	18.700.671.063
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.503.123.887	38.484.259.983
	<hr/>	<hr/>
	371.593.863.165	321.988.979.295
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.894.403.484.751	7.932.095.151.720
Chi phí nhân viên	296.080.134.857	329.961.528.372
Chi phí khấu hao	45.464.450.213	21.052.381.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.903.268.065.204	1.824.549.299.027
Chi phí khác	51.372.072.056	61.473.180.914

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	47.099.875.223	207.173.460.636
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(23.653.346.445)	(56.808.412.306)
	-	8.376.274.137
	(23.653.346.445)	(48.432.138.169)
Chi phí thuế thu nhập	23.446.528.778	158.741.322.467

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (*)	2.621.864.401.128	3.158.089.055.202
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	524.372.880.226	694.779.592.144
Thu nhập không bị tính thuế	(500.978.316.810)	(544.469.304.353)
Chi phí không được khấu trừ thuế	51.965.362	54.760.539
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	8.376.274.137
	23.446.528.778	158.741.322.467

(*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm 2.504.891 triệu VND (2015: 2.474.860 triệu VND) khoản lợi nhuận phân phối từ công ty con không chịu thuế.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% từ năm 2016 trở đi (2015: 22%).

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên liên quan và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Parent company					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Thu hồi khoản cho vay	-	9.619.772.870.265	-	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	-	533.086.759.239	-	-
	Thu hồi lãi từ khoản cho vay	-	552.062.749.559	-	-
	Có tức đã phân phối	2.799.261.836.000	2.413.111.542.000	-	-
Subsidiaries					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Lợi nhuận được phân phối (**)	2.504.891.584.051	2.474.860.474.330	10.925.756.293	152.518.462.649
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	216.813.632.511	312.201.413.098	-	-
	Mua hàng hóa	3.806.669.294.926	4.947.712.183.820	(268.490.649.315)	(508.010.104.440)
	Chi phí lãi vay	-	201.240.670.579	-	-
	Thu hồi các khoản cho vay	6.100.000.000	-	-	-
	Thanh toán các khoản vay	-	2.874.312.071.533	-	-
	Cho vay	3.559.078.712.592	-	1.663.716.876.592	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cân trừ cổ tức phải trả	1.889.261.836.000	-	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	114.905.802.559	-	114.905.802.559	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	845.466.699.032	1.038.200.444.756
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Mua hàng hóa	956.987.322.695	888.640.834.751	(293.403.208.653)	(344.787.532.659)
	Bán hàng hóa	19.777.683.529	22.024.296.921	-	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	209.362.343.040	254.925.839.485

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	14.955.550.322	19.929.060.532	-	-
	Bán tài sản cố định	41.221.616	-	-	-
	Mua hàng hóa	935.445.127.484	1.687.485.893.940	(32.291.494.140)	(328.825.060.298)
	Phí hỗ trợ quản lý	1.718.204.378	-	-	-
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	83.077.588.453	251.552.930.476
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa	3.734.305	6.426.000	1.510.898.062	-
	Bán tài sản cố định	16.488.646	-	-	-
	Mua hàng hóa	7.799.600	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngr Phú Quốc	Bán hàng hóa	605.977.708	-	666.575.479	-
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	52.836.007.262	42.030.992.563	6.078.604.247	5.244.745.846
	Bán tài sản cố định	9.743.291	-	-	-
	Mua hàng hóa	1.163.846.614	11.658.690.363	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	151.605.481.211	138.890.025.830	105.559.512.066	57.419.560.879
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	Bán hàng hóa	3.609.821	-	2.082.020	-
	Mua hàng hóa	623.341.390	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	97.569.181.152	15.675.820.932	-	-
	Bán tài sản cố định	199.362.726	16.354.545.454	-	-
	Mua hàng hóa	2.394.555.820.788	493.197.354.693	(978.486.498.095)	(273.111.051.583)
	Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	994.628.461.727	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Mua hàng hóa	14.042.928.191	15.164.085.164	(4.014.833.237)	(3.675.717.232)
	Bán hàng hóa	743.079.942	1.112.328.972	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo	Mua hàng hóa	22.863.369	2.949.864.765	-	-
	Bán hàng hóa	21.437.933.775	24.239.845.964	3.259.383.364	1.104.331.000
	Thu hồi khoản cho vay	-	50.000.000.000	-	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	-	2.718.146.765	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	34.194.312.391	20.428.929.546	37.613.743.630	22.471.822.951
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	47.844.291	-	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Master Brewery	Bán hàng hóa	150.070	1.099.637	-	-
	Mua hàng hóa	-	117.436.404	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	30.498.268	15.937.854	5.644.586	218.586.661
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa	491.267.362	175.592.727	-	-
	Bán hàng hóa	784.580	307.692.000	31.752.716.796	-
	Phí hỗ trợ quản lý	28.990.613.560	15.185.119.012	-	16.639.970.914
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Phí hỗ trợ quản lý	3.479.025.230	6.325.115.667	3.826.927.753	6.957.627.234
	Bán hàng hóa	27.771.151	-	6.107.257	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt (*)	29.984.910.463	25.265.348.225	-	-

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được nhận bất cứ khoản phí hội họp nào cho các năm 2016 và 2015.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


- (**) Trong năm, chủ tịch Hội đồng Thành viên của MSI, VTF, MHD, MMB đã quyết định phân phối khoản lợi nhuận 2.493.966 triệu VND (2015: VND2.136.936 triệu VND) cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan (“MSF”). Tại cùng thời điểm, chủ tịch của MSF quyết định phân phối khoản lợi nhuận 2.504.891 triệu VND cho Công ty, trong đó khoản 2.493.966 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ những công ty con (2015: khoản phân phối lợi nhuận 2.474.860 triệu VND trong đó 1.986.936 triệu VND được trả trực tiếp cho Công ty từ những công ty con).

Ngày 15 tháng 3 năm 2017


Người lập:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán Trưởng


Người duyệt:


Nguyễn Hoàng Tùng
Quyền Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Số: 24.../2017/CV-MSC

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 24 tháng 3. năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và

Căn cứ trên Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (trên cơ sở riêng lẻ) năm 2016 và năm 2015.

Công ty xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trên cơ sở riêng lẻ năm 2016 so với năm 2015 như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở riêng lẻ) giảm 13% chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (VND)	Năm 2015 (VND)	Biến động	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần	9.983.989.372.533	10.102.362.780.687	(118.373.408.154)	-1%
2	Thu nhập hoạt động đầu tư tài chính (i)	2.829.725.030.129	3.223.719.251.769	(393.994.221.640)	-12%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.598.417.872.350	2.999.347.732.735	(400.929.860.385)	-13%

- (i) Thu nhập hoạt động tài chính năm 2016 giảm 12% so với năm 2015. Sự biến động này chủ yếu do số dư tiền thấp hơn do tăng sử dụng vào các hoạt động đầu tư, tài chính và kết quả từ việc chi trả cổ tức.

Trân trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Thay mặt Ban Giám đốc



Seokhee Won
Tổng Giám đốc